TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 01 - 2024
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Văn Hiện
2. Ông Lê Văn Tài

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Đức Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Y, sinh năm: 2002; địa chỉ: số 177/3 ấp B, xã N, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Đoàn Văn B, sinh năm: 1999; địa chỉ: số 125/3 ấp T, xã B, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai, Đơn xin xét xử vắng mặt, Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị Y trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2020 chị và anh B qua thời gian tìm hiểu rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 08/12/2020. Thời gian sống chung có 01 con chung là Đoàn Phạm Hoàng Q, sinh ngày 05/8/2020. Trong thời gian sống chung anh B không quan tâm chăm sóc vợ con, có mối quan hệ với người phụ nữ

khác. Chị và gia đình hai bên nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh không sửa đổi nên chị và anh B đã sống ly thân.

Anh B cũng đã biết việc chị gửi đơn ly hôn và tòa thụ lý nhưng không có thiện chí hàn gắn, không đến toà để trình bày ý kiến. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn tình cảm với anh B nên chị yêu cầu ly hôn với anh B. Chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

Về con chung: cháu Đoàn Phạm Hoàng Q, sinh ngày 05/8/2020 hiện đang sống cùng chị, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Trước đây, chị yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Nhưng hiện nay chị xin rút toàn bộ yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị và anh B không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị và anh B không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đoàn Văn B đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về nội dung: xét lời trình bày của chị Y cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Thấy rằng trong thời gian chung sống chị và anh B đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó có căn cứ xác định hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Y, chị yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Văn B nên đây là tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Đoàn Văn B cư trú tại xã B, huyện T, tỉnh B, do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[2] Về tố tụng: chị Phạm Thị Y có yêu cầu xét xử vắng mặt; anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét

xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về hôn nhân: xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị Phạm Thị Y và anh Đoàn Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 08/12/2020. Do đó hôn nhân của anh, chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị Y cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh B đã trải qua khoảng thời gian dài mất hạnh phúc từ việc anh B không quan tâm chăm sóc vợ con, có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Chị Y và gia đình nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh B không sửa đổi, chị Y và anh B đã sống ly thân, hiện không có khả năng hàn gắn đoàn tụ.

Đối với anh Đoàn văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử cùng với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh B cho nên nội dung mà chị đã trình bày về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh là có căn cứ chấp nhận. Từ đó cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh, chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y là phù hợp.

[4] Về con chung: Đoàn Phạm Hoàng Q, sinh ngày 05/8/2020 hiện đang sống cùng chị Y và chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy chị Y có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dạy cháu Q để đảm bảo con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Vì vậy giao con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời ghi nhận việc anh B không cấp dưỡng nuôi con chung do chị Y không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: chị Y trình bày không có và không yêu cầu giải quyết.

Anh B không có lời trình bày về vấn đề này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: chị Y trình bày không có và không yêu cầu giải quyết.

Anh B không có lời trình bày về vấn đề này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị Y và anh B được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác (nếu có yêu cầu).

[6] Về án phí: chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, Điều 147,Điều 217, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82,

83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Y. Chị Phạm Thị Y được ly hôn với anh Đoàn Văn B.

Chị Y và anh B không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: chị Phạm Thị Y được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đoàn Phạm Hoàng Q, sinh ngày 05/8/2020 và ghi nhận việc anh B không cấp dưỡng nuôi con chung do chị Y không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: chị Y trình bày không có và không yêu cầu giải quyết. Anh B không có lời trình bày về vấn đề này nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: chị Y trình bày không có và không yêu cầu giải quyết. Anh B không có lời trình bày về vấn đề này nên không xem xét giải quyết.

Chị Y và anh B được quyền khởi kiện yêu cầu về việc giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Phạm Thị Y phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000265 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú xem như đã nộp xong.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã B, huyện T,
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Cẩm Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Hiện **Lê Văn Tài** **Phan Cẩm Nhung**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã Thanh Vĩnh Đông;
Huyện Châu Thành, tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Cẩm Nhung

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã Thạnh Hải;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Cẩm Nhung